

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2017

HƯỚNG DẪN
Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí
từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1647/QĐ-ĐHH của Giám đốc Đại học Huế ngày 23 tháng 12 năm 2015 về việc Quy định mức thu học phí, miễn, giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế năm học 2015-2016;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Hướng dẫn số 464/HD-ĐHH ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Đại học Huế về việc hướng dẫn thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong Đại học Huế từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Nay, tiến hành xét thủ tục miễn, giảm học phí cho đối tượng sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng được miễn học phí

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL- UBTVQH11 ngày 29/6/2005. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh.

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Học sinh dưới 16 tuổi hoặc người từ 16 đến 22 tuổi đang học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha lẫn mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển;

e) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

f) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

g) Sinh viên, học viên có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo các quyết định sau:

- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016 (Quyết định này thay thế Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg);

- Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016 (Quyết định này thay thế Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy Ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và 2015).

3. Đối tượng được giảm 50%

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

II. THỦ TỤC XÉT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

- Sinh viên thuộc miễn, giảm học phí được hướng dẫn tại thông báo này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Sinh viên hệ cử tuyển và sinh viên diện hợp đồng đào tạo theo địa chỉ sử dụng thực hiện theo quy định của các tỉnh.

- Những sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí (**trừ đối tượng:** hộ nghèo/cận nghèo con em Dân tộc thiểu số; Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc hộ nghèo/cận nghèo) đã làm hồ sơ miễn, giảm những học kỳ trước thì không cần nộp hồ sơ miễn, giảm học phí cho các học kỳ tiếp theo.

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số (*không phải là dân tộc thiểu số rất ít người*) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn đã làm hồ sơ miễn, giảm học kỳ trước (đã giảm 70% học phí) nếu trong năm học này thuộc diện hộ nghèo/cận nghèo thì phải bổ sung lại giấy chứng nhận hộ nghèo/cận nghèo để được miễn 100% học phí.

- Những sinh viên mới làm hồ sơ lần đầu; đối tượng hộ nghèo/cận nghèo con em Dân tộc thiểu số và đối tượng sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc hộ nghèo/cận nghèo thì phải nộp đầy đủ những thủ tục sau:

1) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL- UBTVQH11 ngày 29/6/2005

- Thẻ thương binh, bệnh binh, người HĐKC bị nhiễm CĐHH, ... của cha /mẹ (*bản sao có công chứng*)

- Giấy chứng nhận con thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, ... do Phòng Lao động TBXH huyện nơi sinh viên thường trú cấp.

2) Học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Học sinh dưới 16 tuổi hoặc người từ 16 đến 22 tuổi đang học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng là sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Giấy chứng nhận hộ nghèo/cận nghèo (*có giá trị sử dụng trong học kỳ xét miễn giảm*) và Giấy chứng nhận tàn tật, khuyết tật đối với sinh viên bị tàn tật, khuyết tật.

3) Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển;

- Quyết định cử đi học của Tỉnh.

4) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

- Giấy xác nhận sinh viên thuộc hộ nghèo hay cận nghèo theo mẫu chung do UBND cấp xã nơi sinh viên thường trú cấp (*có giá trị sử dụng trong học kỳ xét miễn giảm*).

- Giấy khai sinh (*bản sao có công chứng*).

5) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

- Giấy khai sinh (*bản sao có công chứng*).

- Sổ hộ khẩu thường trú của gia đình.

- Giấy chứng nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn do UBND xã cấp (*ghi rõ số quyết định công nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn*).

6) Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

- Giấy khai sinh (*bản sao có công chứng*).

- Sổ hộ khẩu thường trú của gia đình (*bản sao có công chứng*).

- Giấy chứng nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn do UBND xã cấp (*ghi rõ số quyết định công nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn*).

7) Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

- Thẻ cán bộ - Công nhân viên chức bị tai nạn lao động, ... của cha /mẹ (*bản sao có công chứng*).

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng do cơ quan BHXH cấp cho cha /mẹ sinh viên do bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp (*bản sao có công chứng*).

- Giấy chứng nhận con cán bộ - Công nhân viên chức bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan BHXH hoặc chính quyền địa phương nơi sinh viên thường trú cấp.

8) Sinh viên, học viên có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Tỉnh Ninh Thuận

- Sổ hộ khẩu gia đình (*bản sao có công chứng*).

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. Thời gian nộp hồ sơ: Học kỳ 1: 01/9-22/9. Học kỳ 2: 01/02-23/02 (Phòng CTSV sẽ thông báo khi có thay đổi về thời gian nộp hồ sơ).

2. Địa điểm nộp: Phòng Công tác sinh viên (*Bộ phận chế độ chính sách*).

*** Lưu ý:**

- Quá thời gian quy định trên Phòng CTSV sẽ không giải quyết cho bất cứ trường hợp nào.

- Trong quá trình thực hiện, nếu sinh viên có vấn đề thắc mắc xin vui lòng liên hệ chuyên viên Đoàn Thị Phương Thảo qua số điện thoại: 0234.3538032 để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- BCS-BCH các lớp (để thực hiện);
- Các Khoa (để phối hợp);
- Lưu VT, CTSV.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTSV

(ĐÃ KÝ)

ThS. Thái Doãn Hùng

